TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do – Hạnh phúc
Số: **70**/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 15 tháng 02 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Hoàng Văn D**, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 43 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh T.

2. **Chị Nguyễn Thị Ái N**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số nhà 43 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị Ái N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và được UBND phường P, thành phố H, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/12/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mẫu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, nên anh D và chị N thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh D và chị N không thể hàn gắn và đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị Ái N.

[2] Về con chung: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị Ái N cùng xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên là Hoàng Nguyễn Tiến M, sinh ngày 01/11/2009 và Hoàng Nguyễn NV, sinh ngày 21/3/2013.

Anh D và chị N thỏa thuận: Giao cháu Hoàng Nguyễn Tiến M, sinh ngày 01/11/2009 và Hoàng Nguyễn NV, sinh ngày 21/3/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng (mỗi cháu 3.000.000 đồng/01 tháng) kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị Ái N đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị Ái N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh D, chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005364 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh D và chị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị Ái N.

- Về con chung: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị Ái N có 02 con chung tên là Hoàng Nguyễn Tiến M, sinh ngày 01/11/2009 và Hoàng Nguyễn NV, sinh ngày 21/3/2013.

Anh D và chị N thỏa thuận: Giao cháu Hoàng Nguyễn Tiến M, sinh ngày 01/11/2009 và Hoàng Nguyễn NV, sinh ngày 21/3/2013 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Anh D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 6.000.000 đồng (mỗi cháu 3.000.000 đồng/01 tháng) kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị Ái N đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Hoàng Văn D và chị Nguyễn Thị Ái N mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh D, chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0005364 ngày 06/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh D và chị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- TAND tỉnh TT-Huế;
- UBND phường Pi, Tp H;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Phương Hồng